

Họ và tên:

Lớp:

Phiếu bài tập Toán 3- Bảng nhân chia 3

Bài 1. Giải bài toán sau.

Nam có 7 túi, mỗi túi có 3 viên bi. Bình có 27 viên bi. Hỏi số viên bi trong các túi của Nam ít hơn số viên bi của Bình bao nhiêu viên bi?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 2. Điền dấu \times hoặc $:$ vào chỗ trống để được phép tính đúng.

- a) $12 \dots 4 = 3$ b) $9 \dots 7 = 63$ c) $8 \dots 5 = 40$ d) $20 \dots 5 = 4$
e) $16 \dots 4 = 4$ f) $15 \dots 5 = 3$ g) $6 \dots 9 = 54$ h) $3 \dots 8 = 24$

Bài 3. Từ mỗi phép nhân, viết phép chia tương ứng.

- a) $3 \times 8 = 24$; $24 : 3 = \dots$ b) $3 \times 5 = 15$; $15 : 3 = \dots$
c) $3 \times 4 = 12$; $12 : 3 = \dots$ d) $3 \times 2 = 6$; $6 : 3 = \dots$

Bài 4. Điền dấu $>$, $<$ hoặc $=$ vào ô trống.

- a) $18 : 3 \dots 21 : 3$ b) $3 : 3 \dots 3 : 3$ c) $6 : 3 \dots 3 : 3$ d) $18 : 3 \dots 27 : 3$

Bài 5. Dựa vào tích đã biết, điền tích kế tiếp trong bảng nhân 3.

- a) Biết $3 \times 8 = 24$. Điền tích kế tiếp: $3 \times 9 = \dots$ b) Biết $3 \times 2 = 6$. Điền tích kế tiếp: $3 \times 3 = \dots$
c) Biết $3 \times 7 = 21$. Điền tích kế tiếp: $3 \times 8 = \dots$ d) Biết $3 \times 9 = 27$. Điền tích kế tiếp: $3 \times 10 = \dots$

Bài 6. Điền thừa số còn thiếu.

- a) $\dots \times 3 = 12$ b) $3 \times \dots = 27$ c) $3 \times \dots = 18$ d) $3 \times \dots = 15$

Bài 7. Nối mỗi phép cộng các số hạng bằng nhau với phép nhân tương ứng.

$$3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3$$

$$3 \times 7$$

$$3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3$$

$$3 \times 4$$

$$3 + 3 + 3 + 3$$

$$3 \times 2$$

$$3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3$$

$$3 \times 9$$

$$3 + 3$$

$$3 \times 6$$

Bài 8. Điền dấu \times hoặc $:$ vào chỗ trống để được phép tính đúng.

- a) $3 \dots 4 = 12$ b) $6 \dots 3 = 2$
c) $30 \dots 3 = 10$ d) $3 \dots 5 = 15$

Bài 9. Điền thừa số còn thiếu.

a) $\dots \times 3 = 24$

b) $\dots \times 3 = 21$

c) $3 \times \dots = 27$

d) $\dots \times 3 = 12$

Bài 10. Điền dấu $>$, $<$ hoặc $=$ vào ô trống.

a) $10 \times 3 \dots 3 \times 10$

b) $5 \times 3 \dots 10 \times 3$

c) $3 \times 2 \dots 3 \times 1$

d) $3 \times 1 \dots 1 \times 3$

Bài 11. Điền dấu $>$, $<$ hoặc $=$ vào chỗ trống.

a) $3 \times 7 \dots 24 : 3$

b) $3 \times 1 \dots 9 : 3$

c) $3 \times 2 \dots 24 : 3$

d) $3 \times 8 \dots 24 : 3$

---HẾT---

